

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ LONG MỸ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH HẬU GIANG

Bản án số: 39/2022/DS-ST

Ngày: 29 - 8 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự - hui.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Qui.

Bà Trần Thị Bé Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm - Thư ký Tòa án nhân dân Thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thị Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2022/TLST-DS, ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự - hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thanh N, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Ấp 08, xã T, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Ấp 08, xã T, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/6/2021 quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thanh N trình bày: Vào năm 2019 bà Trần Thị Đ có tham gia chơi hội do bà làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hội ngày 25/01/2019 (âl) hội 1.000.000 đồng/tháng, có 30 phần, bà Đ tham gia 02 phần, trong sổ hội ghi tên Đ. Dây hội này bà Đ đóng hội sống được 09 lần, đến lần thứ 10 bà Đ hốt một phần, còn một phần chưa hốt. Phần bà Đ hốt thì bà Đ đóng lại được 02 lần hội chết, còn nợ lại 18 lần hội chết với số tiền là 18.000.000 đồng, phần hội sống còn lại bà Đ đóng được 12 lần với số tiền 7.765.000 đồng. Như vậy phần hội chết bà Đ còn nợ 18.000.000 đồng, phần hội sống bà Đ đóng được 7.765.000 đồng, sau khi cân trừ thì bà Đ còn nợ bà 10.235.000 đồng.

Dây hội ngày 15/4/2019 (âl) hội 100.000 đồng/nửa tháng, hội có 45 phần, bà Đ tham gia 06 phần. Bà Đ đóng được 02 lần, đến lần thứ 03 thì bà Đ hốt hết 06 phần, sau khi hốt thì bà Đ có đóng lại hội chết nhưng bà không nhớ bao nhiêu lần. Đến ngày 10/7/2020 bà và bà Đ có chốt lại số tiền hội của hai dây hội bà Đ tham gia thì bà Đ còn nợ bà số tiền tổng cộng của hai dây hội là 19.400.000 đồng, bà Đ có ký tên xác nhận nợ. Nay bà yêu cầu bà Đ trả số tiền hội còn nợ là 19.000.000 đồng.

Tại văn bản ngày 08/7/2022, biên bản hòa giải ngày 08/7/2022 và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Đ trình bày: Bà thừa nhận có tham gia dây hội 1.000.000 đồng/tháng và 100.000 đồng/nửa tháng do bà N làm chủ là đúng.

Đối với dây hội 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 25/01/2019 (âl) bà tham gia 02 phần, trong sổ chơi hội ghi tên Đ. Dây hội này bà đóng hội sống được 09 lần, đến lần thứ 10 thì bà hốt 01 phần, sau khi hốt thì bà đóng hội chết đến lần thứ 19 còn nợ lại 11 lần hội chết với số tiền 11.000.000 đồng, còn phần hội sống còn lại bà cũng đóng đến lần thứ 19 nhưng số tiền bao nhiêu thì bà không nhớ, do khi đóng hội thì bà N ghi vào sổ hội do bà N giữ.

Đối với dây hội 100.000 đồng/nửa tháng mở ngày 15/4/2019 (âl), bà tham gia 06 phần, trong sổ hội ghi tên Đ. Dây hội này bà đóng nhưng không nhớ rõ bao nhiêu lần, sau đó bà đã hốt 06 phần hội này nhưng không nhớ hốt lần thứ mấy. Sau khi hốt thì bà có đóng hội chết nhưng không nhớ bao nhiêu lần. Đến ngày 10/7/2020 bà và bà N có chốt lại hai dây hội bà đã tham gia và còn nợ bà N

19.000.000 đồng, bà có ký tên xác nhận nợ. Tuy nhiên đối với dây hụi 1.000.000 đồng thì bà còn nợ bà N 11.000.000 đồng nhưng còn phần hụi sống bà đóng được 19 lần tương đương số tiền 11.000.000 đồng nên sau khi cân trừ thì bà không còn nợ bà N. Đối với dây hụi 100.000 đồng/nửa tháng, sau khi hốt thì bà còn nợ bà N khoảng 9.000.000 đồng. Do đó bà chỉ đồng ý trả cho bà N số tiền 9.000.000 đồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đối với bà N, Đ: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà N, Đ đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự – hụi” theo Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Nội dung vụ án:

Theo bà Phan Thanh N trình bày năm 2019 bà Trần Thị Đ có tham gia 02 dây hụi do bà làm chủ. Dây hụi ngày 25/01/2019 (âl) hụi 1.000.000 đồng tháng, bà Đ tham gia 02 phần bà Đ đóng hụi sống được 09 lần, đến lần thứ 10 bà Đ hốt một phần, còn một phần chưa hốt. Phần bà Đ hốt thì bà Đ đóng lại được 02 lần hụi chết, còn nợ lại 18 lần hụi chết với số tiền là 18.000.000 đồng, phần hụi sống còn lại bà Đ đóng được 12 lần với số tiền 7.765.000 đồng. sau khi cân trừ thì bà Đ còn nợ bà 10.235.000 đồng.

Dây hụi ngày 15/4/2019 (âl) hụi 100.000 đồng/nửa tháng, bà Đ tham gia 06 phần. Bà Đ đóng được 02 lần, đến lần thứ 03 thì bà Đ hốt hết 06 phần, sau khi hốt thì bà Đ có đóng lại hụi chết nhưng bà không nhớ bao nhiêu lần. Đến ngày 10/7/2020 bà và bà Đ có chốt lại số tiền hụi của hai dây hụi bà Đ tham gia thì bà Đ còn nợ bà số tiền tổng cộng của hai dây hụi là 19.400.000 đồng, bà Đ có ký tên xác nhận nợ. Nay bà yêu cầu bà Đ trả số tiền hụi còn nợ là 19.000.000 đồng. Còn bà Đ cho rằng dây hụi 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 25/01/2019 (âl) dây hụi này bà đóng hụi sống được 09 lần, đến lần thứ 10 thì bà hốt 01 phần, sau khi hốt thì bà đóng hụi chết đến lần thứ 19 còn nợ lại 11 lần hụi chết với số tiền 11.000.000 đồng, còn phần hụi sống còn lại bà cũng đóng đến lần thứ 19 nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu. Đối với dây hụi 100.000 đồng/nửa tháng mở ngày 15/4/2019 (âl), dây hụi này bà đóng nhưng không nhớ rõ bao nhiêu lần, sau đó bà đã hốt 06 phần hụi này. Sau khi hốt thì bà có đóng hụi chết nhưng không nhớ bao nhiêu lần. Bà xác định chỉ còn nợ bà N khoảng 9.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà N, không đồng ý trả cho bà N số tiền 19.000.000 đồng nên phát sinh tranh chấp. Việc tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự – hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Đối với dây hụi ngày 25/01/2019 (âl) hụi 1.000.000 đồng tháng, hụi có 30 phần, bà Đ tham gia 02 phần. Dây hụi này bà Đ đóng hụi sống được 09 lần, đến lần thứ 10 bà Đ hốt một phần, còn một phần chưa hốt. Phần bà Đ hốt thì bà Đ đóng lại được 02 lần hụi chết tổng cộng bà Đ đóng và hốt là 12 lần còn nợ 18 lần với số tiền 18.000.000 đồng. Phần hụi sống bà Đ chỉ đóng được 12 lần với số tiền 7.765.000 đồng. Bà N xác định bà Đ chỉ đóng hụi chết 02 lần tức là đến lần thứ 12, còn bà Đ thì cho rằng đóng hụi chết đến lần thứ 19 và phần hụi sống bà cũng đóng được 19 lần nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên lời trình bày của bà là không có căn cứ chấp nhận. Theo Điều 16, Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường thì nghĩa vụ của thành viên sau khi lĩnh họ phải góp phần họ theo thỏa thuận; tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước thành viên khác; trả lại cho các thành viên chưa lĩnh họ khi được lĩnh họ. Như vậy phần hụi chết bà Đ nợ bà N 18.000.000 đồng, phần hụi sống bà N nợ bà Đ 7.765.000 đồng, sau khi trừ thì bà Đ còn nợ bà N 10.235.000 đồng.

[3.2] Đối với dây hụi ngày 15/4/2019 (âl) hụi 100.000 đồng/nửa tháng, hụi có 45 phần, bà Đ tham gia 06 phần. Bà Đ đóng được 02 lần của 6 phần, đến lần thứ 03 thì bà Đ hốt hết 06 phần, sau khi hốt thì bà Đ có đóng lại hụi chết nhưng bà không nhớ bao nhiêu lần. Bà Đ cũng thừa nhận dây hụi này bà đã đóng nhưng không nhớ bao nhiêu lần, sau đó bà đã hốt. Sau khi hốt xong bà cũng đóng lại hụi chết nhưng không nhớ bao nhiêu lần. Như vậy bà Đ và bà N đều không xác định được sau khi hốt hụi bà Đ đã đóng lại được bao nhiêu lần hụi chết. Tuy nhiên ngày 10/7/2020 bà Đ và bà N có tổng kết lại số tiền hụi bà Đ nợ bà N bao gồm dây hụi 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 25/01/2019 (âl) và dây hụi 100.000 đồng/nửa tháng mở ngày 15/4/2019 (âl) thì bà Đ còn nợ bà N số tiền 19.400.000 đồng, việc nợ hụi có lập thành biên bản. Tại biên bản hòa giải ngày 08/7/2020 và tại phiên tòa bà Đ thừa nhận ngày 10/7/2020 bà có kêu bà N chốt số tiền hụi bà nợ bà N và thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tổng số tiền của 02 dây hụi mở ngày 25/01/2019 (âl) và 15/4/2019 (âl) bà Đ còn nợ bà N là 19.400.000 đồng, đây là chứng cứ cho việc giải quyết vụ án. Tuy biên nhận nợ thể hiện bà Đ nợ bà N 19.400.000 đồng nhưng bà N chỉ yêu cầu bà Đ trả 19.000.000 đồng đây là quyền tự định đoạt của bà N. Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử buộc bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền hụi còn nợ tổng cộng là 19.000.000 đồng.

[4] Tại phiên Tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đương sự còn phải chịu án phí theo quy định;

[6] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, 91, 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ: Điều 471, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thanh N.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Phan Thanh N số tiền hụi còn nợ là 19.000.000 đồng (*mười chín triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Phan Thanh N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Thị Đ phải chịu là 950.000 đồng (*chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bà Phan Thanh N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004261 ngày 20/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/8/2022.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Lãm

Trần Văn Lãm